|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ XÂY DỰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

(Đề nghị xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn)

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng có vai trò rất quan trọng sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường. Qua các thời kỳ, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và định hướng lãnh đạo công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, xác định đây là công tác rất quan trọng trong phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Các Nghị quyết của Đảng đã xác định những nội dung lớn để định hướng phát triển nhiều lĩnh vực trong đó có công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng. Thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, đây là các văn bản rất quan trọng, thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng và tạo cơ sở pháp lý cho công tác quy hoạch, phát triển đô thị và nông thôn. Hệ thống quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng luôn được rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng quy hoạch, tạo lập môi trường cư trú bền vững, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII, mối quan hệ giữa quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng với phát triển đô thị gắn kết phát triển nông thôn cũng như các vấn đề về chất lượng quy hoạch đô thị, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch, kế hoạch ngày càng được chú trọng*.* Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã định hướng chỉ đạo cho giai đoạn mới: *“Đổi mới tư duy, lý luận và phương pháp quy hoạch đô thị; bảo đảm quy hoạch đô thị phải có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ và hiện đại, lấy con người và chất lượng cuộc sống làm trung tâm; văn hóa và văn minh đô thị làm nền tảng phát triển; kết hợp hài hoà giữa quá trình đô thị hoá, phát triển đô thị với công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại nền kinh tế, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị phải đi trước một bước và tạo ra nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị”...*

Thời gian qua, hệ thống quy định pháp luật về quy hoạch nói chung đã có những thay đổi, với sự ra đời của Luật Quy hoạch năm 2017 đã tác động đến tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống quy định pháp luật về quy hoạch, trong đó có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng. Qua công tác nghiên cứu, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, thực tiễn phát sinh những vấn đề còn tồn tại, hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, cũng như còn những mâu thuẫn, chồng chéo với pháp luật liên quan đến quy hoạch, gây khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện. Nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng quyết nghị thông qua, đồng thời thực tiễn đặt ra các yêu cầu đối với công tác hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, tạo công cụ pháp lý có tính hiệu lực, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

**2. Tổng quan những vấn đề bất cập**

Đất nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và nông thôn theo hướng bền vững, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đã có những bước phát triển quan trọng, có đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quá trình này đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng cuộc sống, hiệu quả hoạt động đầu tư xây dựng... của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân nhất là trong việc tổ chức không gian đô thị và nông thôn.

Công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng dù đã có những phát triển đáng kể, tuy nhiên còn chưa đáp ứng được tốc độ phát triển của nền kinh tế, quá trình tổ chức triển khai thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quy định về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, cũng như có những mâu thuẫn, chồng chéo trong pháp luật có liên quan về quy hoạch, dẫn đến những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện và công tác quản lý. Trong pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng còn những nội dung quy định chưa thống nhất đồng bộ giữa quy hoạch đô thị với quy hoạch xây dựng (hiện được quy định tại hai bộ luật là Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và Chương II Luật Xây dựng năm 2014), chưa đầy đủ (về đối tượng lập quy hoạch, việc lập quy hoạch đối với đô thị mới...), đồng bộ trong hệ thống pháp luật về quy hoạch nói chung (các vấn đề như đấu thầu lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch...), chưa phù hợp với yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới[[1]](#footnote-1).

Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế, bất cập nêu trên có nguyên nhân về thể chế, cụ thể là: nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn nhưng chưa thống nhất và đồng bộ trong cùng bộ luật. Pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng còn những nội dung chưa quy định đầy đủ, bao quát và cụ thể, đảm bảo tính đồng bộ hệ thống pháp luật về quy hoạch. Chính sách pháp luật có những thay đổi, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới (như Luật Quy hoạch năm 2017) tác động đến sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy định pháp luật về quy hoạch. Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị diễn ra với tốc độ nhanh, xuất hiện các yêu cầu mới cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung phù hợp.

**3. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Đảm bảo thể chế hóa đúng đắn chủ trương, định hướng lãnh đạo của Đảng, Nhà nước *(Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị...)*, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển.

- Tạo công cụ pháp lý *(Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản quy định chi tiết thi hành)* đồng bộ, toàn diện, thống nhất, hiệu lực cao để điều chỉnh hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn. Phát huy đầy đủ vai trò của các tổ chức, cá nhân và xã hội trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. Đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Nhân dân và xã hội.

- Xây dựng công cụ quản lý chủ động của chính quyền về quy hoạch đô thị và nông thôn *(đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn)* theo trình tự, nội dung quy định đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội.

- Quy định về công tác tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu phát triển.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

A. CHÍNH SÁCH 1: LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

**1. Xác định các vấn đề bất cập:**

1.1. Lập quy hoạch:

a) Đối tượng lập quy hoạch: Thực tiễn có những đối tượng cần lập quy hoạch xây dựng để quản lý như các khu vực chức năng có tính chất đặc thù chuyên ngành được định hướng hình thành trên địa bàn xã (khu vực sản xuất năng lượng tái tạo, các khu vực nuôi trồng thủy sản có xây dựng công trình, khu công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp…), khu vực công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, các dự án đầu tư xây dựng được hình thành trên cơ sở các quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh nhưng không thuộc phạm vi đô thị, khu chức năng và điểm dân cư nông thôn, tuy nhiên quy định hiện nay còn chưa rõ ràng, cụ thể đối với những đối tượng này.

b) Phạm vi, quy mô lập quy hoạch: Pháp luật hiện hành đã quy định việc lập quy hoạch chung cho các đô thị mới, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng. Tuy nhiên chưa quy định rõ về phạm vi, quy mô lập quy hoạch chung đô thị mới, đô thị mở rộng; quy hoạch chung xây dựng xã đối với trường hợp các xã thuộc thành phố, thị xã đã có một phần diện tích được định hướng trở thành khu vực phát triển đô thị trong tương lai, cũng như cơ cở xác định phạm vi, quy mô quy hoạch phân khu.

c) Về trách nhiệm lập quy hoạch: Chưa quy định phân cấp lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết tại các khu vực dự kiến hình thành thị trấn (cho Ủy ban nhân dân cấp huyện); lập quy hoạch phân khu khu chức năng (như khu công nghiệp), khu vực trong khu chức năng đã giao cho nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng (hiện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập) là chưa thực sự phù hợp và khó khăn trong đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu phương án tổ chức kinh doanh của nhà đầu tư.

d) Kinh phí lập quy hoạch: (i) Quy định về nguồn vốn lập quy hoạch chưa đa dạng, đảm bảo cho hoạt động quy hoạch được diễn ra liên tục, không gián đoạn, ảnh hưởng đến các thủ tục đầu tư; (ii) Chưa có quy định cụ thể về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí tài trợ cho công tác lập quy hoạch nên các địa phương còn khó khăn, lúng túng trong tổ chức triển khai thực hiện; (iii) Định mức chi phí cho công tác lập quy hoạch còn thấp, chưa hợp lý, không phù hợp với thực tế, ảnh hưởng lớn tới chất lượng công tác lập quy hoạch.

đ) Về lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Quy định còn chưa rõ và thống nhất với pháp luật về đấu thầu trong lựa chọn tư vấn lập quy hoạch thông qua thi tuyển ý tưởng, phương án quy hoạch.

e) Về nội dung quy hoạch: Quy định về nội dung các cấp độ đồ án quy hoạch còn chưa đầy đủ các yêu cầu đảm bảo kiểm soát tốt sự tuân thủ, thống nhất, đồng bộ của quy hoạch cấp độ dưới với quy hoạch cấp độ trên; (ii) Nội dung đồ án quy hoạch chung chưa quy định nguyên tắc xác định các phân khu và thực hiện lập quy hoạch phân khu để cụ thể hóa quy hoạch chung; (iii) Quy hoạch xây dựng nông thôn chưa quy định cụ thể việc xác định các khu vực, dự án không phải là điểm dân cư nông thôn (khu vực công trình sản xuất năng lượng tái tạo, các khu vực nuôi trồng thủy sản có xây dựng công trình, khu công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, khu vực công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật…) để làm căn cứ, cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết, thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; (iv) Chưa cụ thể về nguồn lực thực hiện quy hoạch; (v) Về quy định quản lý theo quy hoạch được duyệt, sau khi Luật Kiến trúc ban hành năm 2019, Quy chế quản lý kiến trúc (quy định về kiến trúc đô thị, nông thôn) được thay thế cho Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị (gồm nội dung quy định về quy hoạch), Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch hiện là tài liệu phải có gắn với từng đồ án, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể đảm bảo tính ràng buộc pháp lý của nội dung này, quy định quản lý thường chậm hoặc không được ban hành kịp thời gây tác động đến hiệu quả trong công tác quản lý.

1.3. Lấy ý kiến về quy hoạch đô thị và nông thôn:

Quy định còn chưa rõ đối tượng lấy ý kiến, trách nhiệm lấy ý kiến (của Ủy ban nhân dân cấp huyện về quy hoạch khi thẩm quyền phê duyệt quy hoạch thuộc cấp tỉnh…), trình tự lấy ý kiến (đối với các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì việc thẩm định, báo cáo Hội đồng nhân dân được thực hiện trước hay sau ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng); nội dung Hội đồng nhân dân có ý kiến (thông qua hay chỉ đạo).

1.4. Thẩm định, phê duyệt:

- Quy định quy hoạch đô thị gồm 03 cấp độ nhưng trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, thẩm quyền phê duyệt có sự đan xen từ cấp trên xuống cấp dưới dẫn đến có khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Chức năng, nhiệm vụ, tính pháp lý của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chưa được quy định cụ thể tại Luật.

- Chưa quy định rõ chức năng thẩm định các quy hoạch xây dựng khu du lịch quốc gia (hiện do Thủ tướng Chính phủ phân công).

1.5. Điều chỉnh quy hoạch:

- Quy định về nguyên tắc, điều kiện và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng còn có những nội dung chưa cụ thể để áp dụng đảm bảo thống nhất.

- Còn thiếu một số yêu cầu cần nghiên cứu bổ sung, đảm bảo quy định chặt chẽ. Thiếu quy định điều kiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch nông thôn.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

- Đảm bảo tính thống nhất, hiệu lực quản lý cao, khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp của hệ thống pháp luật, làm cho hệ thống pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đơn giản, minh bạch hơn.

- Nâng cao chất lượng đồ án quy hoạch (công cụ quản lý), đảm bảo hiệu quả, khả thi.

- Phát huy vai trò của các tổ chức chuyên môn trong tư vấn, phản biện về quy hoạch đô thị và nông thôn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý quy hoạch.

**3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

3.1. Giải pháp 1:

Giữ nguyên chính sách quy định trong Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Chương II Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Không phải xây dựng Luật hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn. Giải pháp này không giải quyết được các vấn đề bất cập hiện nay như đã nêu và chưa đáp ứng mục tiêu quản lý phát triển trong thời kỳ mới.

3.2. Giải pháp 2:

Sửa đổi, bổ sung nội dung quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trong Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Chương II Luật Xây dựng năm 2014 và các Nghị định, Thông tư hiện hành có liên quan.

Giải pháp này không xây dựng thành Luật mới, có thể xử lý một phần các bất cập. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, thiếu tính hệ thống, cần thời gian điều chỉnh.

3.3. Giải pháp 3:

- Kế thừa các quy định phù hợp trong Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014, các văn bản sửa đổi, bổ sung và pháp luật hiện hành có liên quan về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, chồng chéo, mâu thuẫn với pháp luật liên quan, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện và quản lý theo quy hoạch được duyệt *(như đã nêu tại Báo cáo Nghiên cứu, rà soát, đánh giá việc thi hành pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và định hướng xây dựng Luật điều chỉnh về quy hoạch đô thị và nông thôn kèm theo)*.

- Đưa nội dung Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn thành 1 Chương (Chương II) trong Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn. Bao gồm các nội dung về: (i) Quy định chung, (ii) Lập quy hoạch đô thị và nông thôn, (iii) Lấy ý kiến về quy hoạch đô thị và nông thôn, (iv) Thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, (v) Điều chỉnh quy hoạch đưa thành các Mục riêng tại Chương II trong dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Giải pháp 3 giải quyết được các vấn đề bất cập như đã nêu, đáp ứng được yêu cầu quản lý thống nhất, đồng bộ trong một Luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn.

**4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:**

4.1. Tác động về kinh tế:

- Không có tác động tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương.

- Cần chi tiêu công, đầu tư công cho các công tác như lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch quy hoạch đô thị và nông thôn: Nội dung này đã được quy định tại Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Chương II Luật Xây dựng năm 2014. Thông qua kiểm soát chặt chẽ công tác lập quy hoạch; thẩm định quy hoạch, sự tham gia của Hội đồng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định lựa chọn được phương án quy hoạch tối ưu, khả thi, tiết kiệm ngân sách nhà nước.

- Tác động tốt đến môi trường đầu tư, kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Mang lại lợi ích quản lý chặt chẽ, tạo môi trường sống tốt cho cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế. Tạo ra môi trường công khai, minh bạch trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

4.2. Tác động về xã hội

- Không có tác động tiêu cực về dân số, y tế, đi lại, giảm nghèo.

- Tạo ra nhiều việc làm trong công tác lập quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, nông thôn. Về tài sản, tạo ra nhiều đô thị, khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Về sức khỏe và môi trường, phát triển đô thị xanh, phát triển bền vững, môi trường sống tốt, mang lại lợi ích cho cộng đồng. Nâng cao nhận thức toàn dân về vai trò của quy hoạch đô thị và nông thôn. Tạo hiệu ứng tốt trong gắn kết cộng đồng, sự tham gia của cộng đồng trong công tác quy hoạch, phát triển đô thị và nông thôn.

- Phát huy vai trò chuyên môn trong tư vấn, phản biện xã hội, sự tham gia của cộng đồng trong công tác quy hoạch đô thị và nông thôn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý quy hoạch.

4.3. Tác động về giới

Không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

4.4. Tác động của thủ tục hành chính

Kế thừa các nội dung cơ bản của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Chương II Luật Xây dựng năm 2014 đưa vào Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, không phát sinh thủ tục hành chính mới.

4.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

a) Khả năng về thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng tại Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Chương II Luật Xây dựng năm 2014 được thi hành và tuân thủ tốt, nội dung bổ sung đưa vào Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn sẽ nâng cao hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; tăng sự thống nhất, đồng bộ pháp luật về quản lý quy hoạch, nâng cao hiệu quả quản lý.

b) Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước:

Các quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được kế thừa, bổ sung không tác động thay đổi về tổ chức bộ máy nhà nước, các quy định nhằm nâng cao tính thống nhất, đồng bộ, quản lý chặt chẽ hơn.

c) Khả năng thi hành và tuân thủ đối với các điều ước quốc tế:

Việt Nam đã hội nhập quốc tế, là thành viên của các tổ chức như WTO, ASEAN và nhiều tổ chức quốc tế khác. Các nội dung đề xuất trong Luật không trái với các cam kết của Việt Nam với WTO, ASEAN. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

**5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn và thẩm quyền ban hành chính sách:**

5.1. Kiến nghị lựa chọn Giải pháp 3 để đảm bảo mục tiêu tăng tính hiệu lực, hiệu quả, thống nhất, đơn giản và minh bạch về công tác quy hoạch và tổ chức thực hiện, quản lý theo quy hoạch được duyệt.

5.2. Thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

B. CHÍNH SÁCH 2: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

**1. Xác định vấn đề bất cập**

1.1. Nguồn lực thực hiện và điều kiện đảm bảo cho công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn:

- Nguồn vốn cho công tác quy hoạch đô thị, nông thôn phù hợp với từng loại, cấp độ quy hoạch chưa được quy định rõ trong pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, chưa thống nhất trong quy định với pháp luật về quy hoạch (Luật Quy hoạch năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết thi hành).

- Quy định về việc sử dụng kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân cho công tác lập quy hoạch chưa được quy định rõ, dẫn đến những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác quy hoạch.

- Quy định về việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị thông qua đấu thầu chưa phù hợp với đặc thù của quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng. Thiếu quy định về việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị thông qua thi tuyển ý tưởng, phương án quy hoạch đô thị và nông thôn.

1.2. Tổ chức thực hiện sau khi quy hoạch đô thị, nông thôn được phê duyệt:

- Quy định về nội dung xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn sau khi được phê duyệt (thời gian, nội dung, kinh phí, công bố công khai, trách nhiệm tổ chức thực hiện…) chưa cụ thể.

- Quy định về nội dung, thời gian thực hiện cắm mốc phù hợp với từng loại quy hoạch còn khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Thiếu quy định về cắm mốc đối với các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (công trình không theo tuyến) sau khi quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được phê duyệt.

- Chưa quy định rõ về yêu cầu nội dung, trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

1.3. Quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn:

- Tổ chức tư vấn lập quy hoạch có vai trò quan trọng đối với chất lượng đồ án quy hoạch, đảm bảo khả thi, tăng cường hiệu lực quy hoạch, hiệu quả quản lý. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ về trách nhiệm của tổ chức này trong công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

- Quy định về sự tham gia giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và cộng đồng trong công tác quy hoạch đô thị và nông thôn cho phù hợp thực tiễn, yêu cầu quản lý, phát triển chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Quy định rõ về nguồn lực thực hiện và điều kiện đảm bảo cho công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn đáp ứng yêu cầu quản lý và thực tiễn phát triển.

- Quy định đầy đủ về công tác tổ chức thực hiện sau khi quy hoạch đô thị, nông thôn được phê duyệt, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Quy định rõ về trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn và quyền, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn, đảm bảo công tác quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện công khai, minh bạch.

**3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên chính sách như hiện nay, không cần xây dựng Luật hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn.

Giải pháp này có thể đạt hiệu quả, tuy nhiên mất thời gian và có thể phát sinh thêm các vấn đề khác khó kiểm soát hậu quả và chưa thể đáp ứng ngay các mục tiêu của quản lý trong bối cảnh hiện nay.

3.2. Giải pháp 2: Các vấn đề bất cập được sửa đổi, bổ sung vào nội dung quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trong Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các Nghị định, Thông tư hiện hành có liên quan.

Giải pháp này có thể xử lý một phần các vấn đề bất cập. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, thiếu tính hệ thống, cần thời gian điều chỉnh.

3.3. Giải pháp 3:

- Kế thừa các quy định phù hợp trong Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014, các văn bản sửa đổi, bổ sung và pháp luật hiện hành có liên quan về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, chồng chéo, mâu thuẫn với pháp luật liên quan, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện và quản lý theo quy hoạch được duyệt.

- Đưa nội dung chính sách về Tổ chức thực hiện và Quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thành: (i) Chương III về Tổ chức thực hiện và (ii) Chương IV về Trách nhiệm quản lý nhà nước và quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn trong Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Giải pháp 3 giải quyết được các vấn đề bất cập như đã nêu, đáp ứng được yêu cầu quản lý thống nhất, đồng bộ trong một Luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn.

**4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

4.1. Tác động về kinh tế:

- Giải pháp 1: tác động không lớn, do không điều chỉnh quy định về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, vẫn giữ nguyên tình trạng hiện nay. Do các bất cập còn tồn tại và phải tự điều chỉnh trong một thời gian dài dẫn đến tốn chi phí chung của xã hội trong tương lai, tốn kém các chi phí ... để theo kịp yêu cầu phát triển. Các chính sách hỗ trợ, phát triển chưa có sẽ tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư, kinh doanh sẽ làm chậm tốc độ phát triển của nền kinh tế.

- Giải pháp 2: Do có sự điều chỉnh về chính sách trong các văn bản pháp luật hiện hành nên có tác động tích cực cho đến môi trường đầu tư, kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, về cơ bản trình tự lập, thẩm định, phê duyệt như hiện nay nên tác động về kinh tế không có nhiều biến động, kết quả tăng trưởng kinh tế đối với đời sống kinh tế - xã hội không nhiều.

- Giải pháp 3: Tác động tích cực cho đến môi trường đầu tư, kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tạo ra môi trường công khai, minh bạch trong hoạt động quy hoạch, có cơ chế mới để kiểm soát việc phát triển... cũng như khuyến khích có các quy hoạch chất lượng tốt sẽ mang lại lợi ích lớn cho xã hội. Môi trường sống tốt được hình thành sẽ tạo cơ hội phát triển kinh tế. Điều này có tốn kém một chi phí nhất định, ví dụ các chi phí các công tác tổ chức thực hiện theo quy hoạch đô thị và nông thôn sau khi được phê duyệt, tuy nhiên tạo được động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

4.2. Tác động về xã hội:

- Giải pháp 1: Không có tác động

- Giải pháp 2: Có tác động nhưng biểu hiện chưa rõ nét do nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tại hai luật sẽ không đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ.

- Giải pháp 3: Không có tác động tiêu cực về dân số, y tế, đi lại, giảm nghèo, sức khỏe, môi trường. Có tác động tích cực về nâng cao nhận thức cộng đồng xã hội về quy hoạch đô thị và nông thôn. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nảy sinh cơ hội và nhu cầu mới về việc làm, đẩy mạnh sự tiếp cận của cộng đồng xã hội trong công tác quy hoạch đô thị và nông thôn, góp phần vào thực hiện công bằng xã hội.

4.3. Tác động về giới: Các giải pháp không có tác động đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

4.4. Tác động của thủ tục hành chính:

Kế thừa các nội dung cơ bản của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Chương II Luật Xây dựng năm 2014 đưa vào Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, không phát sinh thủ tục hành chính mới.

4.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

a) Khả năng về thi hành và tuân thủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

- Giải pháp 2 và Giải pháp 3 cần bổ sung nội dung quy định trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập quy hoạch...

- Giải pháp 2 và Giải pháp 3 dự kiến điều chỉnh quy định pháp luật liên quan (Luật Quy hoạch năm 2017 liên quan đến quy định về nguồn vốn cho công tác quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Đấu thầu năm 2013 liên quan đến công tác lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn thông qua đấu thầu hoặc thi tuyển ý tưởng, phương án quy hoạch...).

b) Tác động tích cực đối với tổ chức bộ máy nhà nước: Nâng cao tính quản lý nhà nước tập trung thống nhất, đồng bộ, chặt chẽ.

c) Khả năng thi hành và tuân thủ đối với các điều ước quốc tế:

Việt Nam đã hội nhập quốc tế, là thành viên của các tổ chức như WTO, ASEAN và nhiều tổ chức quốc tế khác. Các nội dung đề xuất trong Luật không trái với các cam kết của Việt Nam với WTO, ASEAN. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

**5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn và thẩm quyền ban hành chính sách:**

5.1. Kiến nghị lựa chọn Giải pháp 3 để đảm bảo mục tiêu đã đề ra.

5.2. Thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

**III. LẤY Ý KIẾN**

Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được gửi lấy ý kiến bằng văn bản của (1) Bộ Tài chính (về nguồn tài chính), (2) Bộ Nội vụ (về nguồn nhân lực), (3) Bộ ngoại giao (về sự tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên), (4) Bộ Tư pháp (về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của đề nghị xây dựng Luật với hệ thống pháp luật), (5) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng Luật theo quy định tại Điều 36 và Điều 86 Luật Ban bành văn bản quy phạm pháp luật và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Các ý kiến góp ý được Bộ Xây dựng tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình bằng văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo đường công văn hoặc qua thư điện tử.

*(Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến tại Phụ lục gửi kèm theo)*.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách: Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

1. Báo cáo Nghiên cứu, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng của Bộ Xây dựng gửi kèm theo. [↑](#footnote-ref-1)